

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**ĐỖ THỊ THÚY NGÀ**

**CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT  
VIỆT NAM VỀ DỊCH VỤ INTERNET TRONG  
THỜI KỲ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

*Chuyên ngành* : Luật quốc tế

*Mã số* : 60 38 60

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2012**

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Người hướng dẫn khoa học*: TS. Bùi Xuân Nhựt

*Phản biện 1*:

*Phản biện 2*:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2012.

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
<b>MỞ ĐẦU</b>	1		
<b>Chương 1: GIỚI THIỆU VỀ INTERNET SỰ CẦN THIẾT ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT DỊCH VỤ INTERNET</b>	8		
1.1. Tổng quan chung về Internet	8		
1.1.1. Khái quát chung về Internet	8		
1.1.1.1. Khái niệm Internet	8		
1.1.1.2. Phân loại các nhóm dịch vụ Internet	10		
1.1.1.3. Các chủ thể tham gia cung cấp dịch vụ Internet	11		
1.1.2. Đặc điểm của dịch vụ Internet	14		
1.1.2.1. Lợi ích và hạn chế đối với Internet	14		
1.1.2.2. Những yêu cầu đặt ra đối với dịch vụ Internet	16		
1.1.2.3. Một số chỉ tiêu liên quan khi đánh giá, thống kê mức độ phát triển Internet	18		
1.1.3. Lịch sử hình thành và phát triển Internet ở Việt Nam	20		
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến chính sách và pháp luật dịch vụ Internet	22		
1.2.1. Nhân tố thuộc môi trường quốc tế	23		
1.2.2. Nhân tố thuộc môi trường trong nước	23		
1.2.3. Nhân tố thuộc môi trường doanh nghiệp	24		
1.2.4. Nhân tố quản lý nhà nước	26		
1.3. Sự cần thiết phải đổi mới chính sách và pháp luật về dịch vụ Internet	28		
1.3.1. Mối quan hệ giữa pháp luật và Internet	28		
1.3.2. Sự cần thiết phải xây dựng, đổi mới chính sách và pháp luật về dịch vụ Internet	29		
<b>Chương 2: HỆ THỐNG CÁC QUI ĐỊNH VỀ DỊCH VỤ INTERNET</b>	32		
2.1. Hệ thống qui phạm về Internet	32		
2.1.1. Đặc điểm sự hình thành và phát triển hệ thống qui phạm quản lý, điều tiết lĩnh vực Internet	32		
2.1.2. Hệ thống văn bản pháp qui quốc tế điều chỉnh lĩnh vực Internet	34		
2.1.3. Hệ thống văn bản pháp qui Việt Nam điều chỉnh lĩnh vực Internet	36		
2.2. Đánh giá chung hệ thống văn bản pháp luật về Internet của Việt Nam	40		
2.2.1. Đối với nhu cầu khách quan	40		
2.2.2. Đối với yêu cầu quản lý kinh tế và xã hội	41		
2.2.3. Đối với sự phát triển của cộng đồng mạng toàn cầu	43		
2.2.4. Đối với yêu cầu của các nước trong cộng đồng quốc tế	45		
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ INTERNET THEO XU HƯỚNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ</b>	51		
3.1. Thực trạng pháp luật đang điều chỉnh dịch vụ Internet của Việt Nam	51		
3.1.1. Những mặt tích cực	51		
3.1.1.1. Những nhân tố cho sự ra đời Nghị định 97/2008/NĐ-CP	51		
3.1.1.2. Nguyên tắc xây dựng Nghị định	53		
3.1.1.3. Những nội dung, sửa đổi quan trọng của Nghị định 97	53		
3.1.1.4. Những nội dung cơ bản của Nghị định 97/2008/CP	58		
3.1.2. Những mặt còn hạn chế	69		
3.1.3. Một số giải pháp của Việt Nam	79		
3.2. Qui định quản lý internet của một số nước trên thế giới và học hỏi kinh nghiệm của Việt Nam	82		
3.2.1. Trung Quốc	83		
3.2.2. Hoa Kỳ (USA)	85		
3.3. Định hướng hoàn thiện Internet Việt Nam theo xu hướng hội nhập quốc tế	87		
3.3.1. Chính sách của nhà nước	89		
3.3.1.1. Mục tiêu giai đoạn 2001 - 2005	89		
3.3.1.2. Mục tiêu giai đoạn 2006-2010	89		
3.3.1.3. Mục tiêu giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến 2020	91		
3.3.2. Thuận lợi, khó khăn và thách thức	94		
3.3.2.1. Thuận lợi	94		
3.3.2.2. Thách thức	95		
3.3.2.3. Khó khăn	96		
3.3.3. Định hướng và giải pháp để phát triển Internet Việt Nam theo xu hướng hội nhập quốc tế	97		
3.3.3.1. Về công nghệ, dịch vụ	97		
3.3.3.2. Về tài nguyên Internet	97		
3.3.3.3. Về ứng dụng và nội dung thông tin	97		
3.3.3.4. Về an toàn, an ninh	98		
3.3.3.5. Về tổ chức và công tác thực thi	99		
3.3.4. Hội nhập quốc tế về Internet	102		

<b>KẾT LUẬN</b>	106
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	109

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Như ta đã biết xã hội ngày nay là kết quả của một quá trình phát triển đi lên được hỗ trợ bởi những thành tựu của Khoa học kỹ thuật. Kết quả đó có thể nhìn thấy rõ ở ngành công nghệ thông tin mà mạng Internet là điển hình. Tuy nhiên, theo qui luật mọi sự vật hiện tượng đều có mặt trái của nó. Vì vậy Internet cũng cần có sự điều tiết, quản lý của nhà nước. Đây là quyền và là trách nhiệm của chính phủ của mỗi quốc gia trong thế giới hiện đại, vì cuộc sống văn minh, lành mạnh không chỉ của công dân nước mình, mà còn vì sự an toàn của công dân toàn cầu.

Việt Nam quản lý công cụ thông tin hiện đại này bằng hệ thống chính sách quản lý Internet, được thể hiện bằng các qui định tại hệ thống các văn bản pháp qui. Nhà nước sử dụng công cụ này với mục tiêu là vừa đáp ứng yêu cầu thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông Internet, vừa đáp ứng nhu cầu quản lý nội dung thông tin trên Internet phòng chống những thông tin độc hại, ảnh hưởng xấu đến đời sống tinh thần, thuần phong và mỹ tục, trật tự, an toàn xã hội.

Cho đến nay Việt Nam đã xây dựng được hệ thống văn bản pháp luật tương đối đầy đủ để quản lý hoạt động Internet. Song hệ thống văn bản này đã phản ánh đúng, phù hợp với thực tế khách quan hay đã tích hợp được các giải pháp quản lý vừa mang tính lâu dài, vừa mang tính tình thế để đi vào thực thi và trở thành một công cụ quản lý hữu hiệu cho hoạt động Internet trong xã hội và nền kinh tế "mở" như hiện nay thì còn phải nghiên cứu và xem xét.

### 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong phương diện luật học, một số góc cạnh của lĩnh vực này được đề cập đến, phản ánh thông qua các bài viết tại các chương VI, X, XI, XII về giao dịch thương mại quốc tế, mua bán công nghệ, bản quyền.... sách Luật thương mại quốc tế thuộc bộ môn Luật Quốc tế. Tuy nhiên, các công trình, bài viết trên các tác giả chỉ mới đề cập một cách khái quát, chung chung có động chạm đến một vài khía cạnh, vấn đề đơn lẻ về Internet, chưa có một công trình, bài viết nào nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về lĩnh vực này.

### 3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

*Mục đích:*

Luận giải để chứng minh những điểm hoàn thiện và chưa hoàn thiện của quy định về dịch vụ Internet.

Vấn đề áp dụng qui định trong thực tiễn: những vướng mắc, khó khăn,...

Đúc rút kinh nghiệm và đưa ra được các giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng những qui định của pháp luật cũng như xây dựng hệ thống pháp luật cho lĩnh vực này tại Việt Nam.

*Nhiệm vụ:*

Luận văn có nhiệm vụ phân tích những quy định phù hợp, chưa phù hợp hoặc chưa đồng bộ của các quy định về lĩnh vực Internet; thống kê và qua đó đưa ra được những giải pháp hoàn thiện

*Phạm vi nghiên cứu:*

Nghiên cứu quy định pháp luật Việt Nam về dịch vụ Internet và thực tiễn áp dụng pháp luật về quản lý dịch vụ Internet ở Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế

### 4. Phương pháp tiếp cận vấn đề

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận văn tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học liên ngành và chuyên ngành; coi trọng phương pháp kết hợp logic với lịch sử, tổng hợp, so sánh, phương pháp chuyên gia; tổng kết thực tiễn,...

### 5. Những điểm mới của luận văn

Trên cơ sở phân tích ưu nhược điểm những quy định hiện hành về dịch vụ Internet, luận văn đề cập đến thực trạng áp dụng, qua đó đề xuất hướng hoàn thiện. Luận văn sẽ bám sát thực tế áp dụng luật - cụ thể là việc áp dụng Nghị định 97/2008/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet để đưa ra nhận xét cụ thể về tình hình thực hiện pháp luật dịch vụ Internet, góp phần hoàn thiện chế định này.

### 6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Giới thiệu về Internet và sự cần thiết đổi mới chính sách và pháp luật về dịch vụ Internet.

Chương 2: Hệ thống các quy định về dịch vụ Internet.

Chương 3: Thực trạng và định hướng Internet Việt Nam theo xu hướng hội nhập quốc tế.

## Chương 1

### GIỚI THIỆU VỀ INTERNET SỰ CẦN THIẾT ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT DỊCH VỤ INTERNET

#### 1.1. Tổng quan chung về Internet

##### 1.1.1. Khái quát chung về Internet

###### 1.1.1.1. Khái niệm Internet

Theo định nghĩa của nhà luật học Việt Nam: "Internet là hệ thống thông tin toàn cầu sử dụng giao thức Internet và tài nguyên Internet để cung cấp các dịch vụ và ứng dụng khác nhau cho người sử dụng dịch vụ viễn thông" (Khoản 14, Điều 3, Luật viễn thông); "Internet là hệ thống thông tin toàn cầu sử dụng giao thức Internet (Internet Protocol - IP) và tài nguyên Internet để cung cấp các dịch vụ và ứng dụng khác nhau cho người sử dụng" (Khoản 1, Điều 3, Nghị định 97/2008/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet)

###### 1.1.1.2. Phân loại các nhóm dịch vụ Internet

a. *Dịch vụ kết nối Internet*: Là dịch vụ cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khả năng kết nối với nhau để truyền tải lưu lượng Internet trong nước giữa các tổ chức, doanh nghiệp đó.

b. *Dịch vụ truy nhập Internet*: Là dịch vụ cung cấp cho mọi người sử dụng khả năng truy nhập Internet. Dịch vụ này cung cấp các đường truy nhập Internet trực tiếp và gián tiếp cho khách hàng.

c. *Dịch vụ ứng dụng Internet*: Là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng được cung cấp cho người sử dụng thông qua mạng lưới thiết bị Internet. Dịch vụ này có 2 nhóm là dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng

###### 1.1.1.3. Các chủ thể tham gia cung cấp dịch vụ Internet:

a. *Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet* là đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet, cung cấp cổng kết nối Internet ra quốc tế (còn gọi là IXP): IXP là một đơn vị có trách nhiệm đảm bảo thông suốt cho tất cả mọi truy cập,

mọi giao dịch với Internet từ tất cả những người sử dụng đến từ các nhà cung cấp dịch vụ.

b. *Nhà cung cấp dịch vụ truy nhập Internet* là đơn vị cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, cung cấp đường truy nhập Internet trực tiếp và gián tiếp (còn gọi là ISP): ISP là những người trung gian giữa người sử dụng và Internet. Các ISP thuê các dịch vụ kết nối Internet và đường trục tốc độ cao nối đến cổng của IXP. ISP thực hiện các dịch vụ cho khách hàng.

c. *Nhà cung cấp dịch vụ ứng dụng trên mạng Internet* là đơn vị cung cấp các dịch vụ ứng dụng Internet như là điện thoại trên Internet, thương mại điện tử, thư điện tử (còn gọi là OSP)

d. *Nhà cung cấp dịch vụ thông tin trên mạng Internet* là đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin trên Internet bao gồm: báo chí (báo nói, báo hình, báo điện tử), phát hành, sản xuất sản phẩm trên internet và dịch vụ cung cấp các loại hình tin tức điện tử khác trên Internet (còn gọi là ICP)

e. *Nhà cung cấp tích hợp tất cả các dịch vụ trên*: Một doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ Internet với tất cả các vai trò trên vừa là IXP, ISP, OSP, ICP. Nhưng cũng có thể chỉ là một nhà cung cấp dịch vụ Internet riêng biệt.

##### 1.1.2. Đặc điểm của dịch vụ Internet

###### 1.1.2.1. Lợi ích và hạn chế đối với Internet

Internet phát triển nhanh là lý do tiện ích trong sử dụng, Internet có lợi ích sau: a. *Nắm bắt được thông tin phong phú*; b. *Giảm chi phí sản xuất*; c. *Giảm chi phí giao dịch*; d. *Giúp thiết lập và củng cố quan hệ đối tác*; e. *Tiếp cận nền kinh tế số hóa*.

Bên cạnh các lợi ích nêu trên, Internet cũng có những hạn chế nhất định. Đó là những khó khăn, những rào cản trong quá trình phát triển Internet như nhận thức của người sử dụng, nhu cầu của người tiêu dùng, khả năng thanh toán... là những cản trở Internet tại Việt Nam. Bên cạnh đó hàng loạt các vấn đề như lợi dụng Internet để đưa tin xuyên tạc, cung cấp thông tin kích động, hình ảnh khiêu dâm, hay vấn đề bảo mật thông tin, quyền sở hữu trí tuệ, hệ lụy của những trò chơi trực tuyến đối với xã hội... là những hạn chế của dịch vụ Internet.

###### 1.1.2.2. Những yêu cầu đặt ra đối với dịch vụ Internet

Để cung cấp dịch vụ Internet (không phân biệt loại hình dịch vụ Internet gián tiếp hay trực tiếp) cần phải giải quyết tổng thể hàng chục vấn đề phức

tạp đan xen nhau trong một mối quan hệ hữu cơ bao gồm: a. Hạ tầng cơ sở công nghệ; b. Yêu cầu đối với nhân lực, trình độ công nghệ thông tin, khả năng ngoại ngữ; c. Bảo mật, an toàn; d. Hệ thống thanh toán điện tử; e. Bảo vệ sở hữu trí tuệ; f. Bảo vệ người tiêu dùng; g. Tác động văn hóa xã hội của Internet.

*1.1.2.3. Một số chỉ tiêu liên quan khi đánh giá, thống kê mức độ phát triển Internet.*

Để đánh giá mức độ phát triển dịch vụ Internet thì cần phải có các chỉ số mang tính chuẩn mực. Dưới đây là một số chỉ tiêu cơ bản để đánh giá:

*a. Chỉ số cơ sở hạ tầng*

Chỉ số cơ sở hạ tầng là các chỉ số về thiết bị cần dùng cho việc truy cập Internet. Nó bao gồm:

- *Máy chủ (host)*: Số lượng máy chủ hoặc chỉ số về số lượng máy chủ trên đầu người

- *Điện thoại và máy tính cá nhân*: số lượng máy tính và điện thoại nhiều thì mức độ phát triển Internet cao

*b. Chỉ số truy cập*

Nhóm chỉ tiêu này đo mức độ truy cập Internet, bao gồm các chỉ tiêu sau: Người sử dụng; số lượng thuê bao và độ bao phủ.

*c. Chỉ số về chính sách*

- *Số lượng ISP*: Một thị trường có nhiều ISP tham gia về lý thuyết sẽ gây áp lực giá cả và do đó mở rộng khả năng truy cập

- *Cước phí*: Cước phí dịch vụ Internet là một chỉ số quan trọng về khả năng truy cập vì nếu người dân không thể chi cho Internet thì họ sẽ không sử dụng.

- *Lưu lượng*: Lưu lượng sử dụng ít có thể phản ánh các vấn đề về khả năng thanh toán, hoặc việc thiếu kiến thức trong sử dụng của khách hàng.

**1.1.3. Lịch sử hình thành và phát triển Internet ở Việt Nam**

Internet ở Việt Nam được bắt đầu manh nha từ hệ thống email do nhóm các nhà khoa học của Viện công nghệ thông tin thiết lập và sự kiện tên miền của Việt Nam chính thức được đăng ký và xuất hiện trên bản đồ thế giới. Việt Nam chính thức tham gia hòa mạng Internet toàn cầu bắt đầu từ ngày 19/12/1996, lần đầu tiên tại Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII họp bàn về

Internet và đã đưa ra quyết định cho phép mở Internet ở Việt Nam. Tiếp theo đó Việt Nam đã ban hành Nghị định 21/CP ngày 05/03/1997 "qui định tạm thời về quản lý Internet" là cơ sở hành lang pháp lý nền móng cho các hoạt động Internet tại Việt Nam và đến ngày 19/11/1997, dịch vụ Internet Việt Nam chính thức kết nối với thế giới.

**1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến chính sách và pháp luật dịch vụ Internet**

**1.2.1. Nhân tố thuộc môi trường quốc tế**

Với lộ trình mở cửa viễn thông, cam kết khi gia nhập WTO (Chính phủ Việt Nam phải cho phép các doanh nghiệp nước ngoài được tham gia sâu hơn nữa vào thị trường viễn thông). Vì vậy, các doanh nghiệp cần xây dựng cho mình một lộ trình và chính phủ phải có chính sách phù hợp với yêu cầu của quá trình hội nhập.

**1.2.2. Nhân tố thuộc môi trường trong nước**

a. *Xu hướng tiêu dùng của khách hàng sử dụng dịch vụ Internet*: Lựa chọn đầu tiên là Internet tốc độ cao, mong muốn sử dụng nhiều dịch vụ, tiện ích giải trí mới trên mạng...

b. *Xu hướng công nghệ*: Mạng Wi-Fi, Băng rộng không dây có xu hướng bùng nổ, triển khai mở rộng tại nơi công cộng.

c. *Xu hướng nhà cung cấp*: Mở rộng kênh bán hàng, đẩy nhanh thời gian cung cấp dịch vụ, triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm, tạo sự hấp dẫn, tối đa khai thác nhu cầu của khách hàng

**1.2.3. Nhân tố thuộc môi trường doanh nghiệp**

Nhân tố thuộc môi trường doanh nghiệp bao gồm: Nhân tố con người; khả năng tài chính; sự phù hợp của công nghệ; chiến lược kinh doanh; uy tín của doanh nghiệp; sức ép tăng trưởng - tái cơ cấu doanh nghiệp.

**1.2.4. Nhân tố quản lý nhà nước**

Việt Nam đã có những chính sách cơ bản và quan trọng về môi trường pháp lý với mục tiêu thành lập một ngành viễn thông mạnh mẽ điều này lần lượt sẽ là nền tảng cho sự tăng trưởng kinh tế trong ngành viễn thông và các doanh nghiệp có khả năng về công nghệ thông tin.

Tuy nhiên quá trình cải cách của Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện. Nhiều cơ chế, chính sách còn chưa được ban hành kịp thời, phù hợp với tốc độ và nhu cầu phát triển công nghệ và thị trường. Về tính minh bạch trong quản lý, cơ quan quản lý hiện nay không thực sự đạt được những chuẩn mực quốc tế về độc lập, điều này tác động tới việc cấp phép, kết nối không phân biệt đối xử và bù chéo về giá cước.

### **1.3. Sự cần thiết phải đổi mới chính sách và pháp luật về dịch vụ Internet**

#### **1.3.1. *Mối quan hệ giữa pháp luật và Internet***

Đặc thù của Công nghệ thông tin sự toàn cầu hóa, số hóa, khả năng ứng dụng từ xa của công nghệ số dẫn đến không cần cơ quan trung ương điều khiển, quản lý là đặc điểm cơ bản, quan trọng của pháp luật. Với đặc thù này, công nghệ làm mất đi cơ sở của hoạt động quản lý bằng pháp luật, hay đúng hơn là nó đặt ra yêu cầu phải xây dựng phương thức quản lý mới mà pháp luật quốc gia đã không thể đảm nhận được đó là phương thức quản lý bằng công cụ pháp luật "chung".

Pháp luật tác động lại công nghệ thông tin bằng việc đặt ra một số qui tắc, qui định bắt buộc cho hoạt động phát triển công nghệ, nhằm một mặt bảo vệ các quyền cơ bản vốn là nền tảng của xã hội và mặt khác là bảo vệ sự cân bằng thiết yếu trong hệ thống pháp luật hiện hành đã được thiết lập trong một xã hội thông tin. Đồng thời pháp luật cũng tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc phát triển xã hội đó, đó là xã hội thông tin.

#### **1.3.2. *Sự cần thiết phải xây dựng, đổi mới chính sách và pháp luật về dịch vụ Internet***

Trong những năm qua, sự phát triển các ứng dụng trên nền Internet đã đem lại cho mọi người dân trên thế giới những lợi ích không thể phủ nhận. Tuy nhiên bên cạnh các lợi ích của Internet, mặt trái, mặt tiêu cực của Internet cũng là vấn đề nổi cộm mà các nhà chính sách, quản lý phải lưu tâm. Chính vì vậy cần thiết phải xây dựng, đổi mới, điều chỉnh hệ thống chính sách, pháp luật để quản lý lĩnh vực Internet. Đảm bảo hệ thống quản lý này phù hợp với khách quan, phát triển của xã hội, ngăn chặn được các tiêu cực của Internet giảm thiệt hại xã hội đồng thời phù hợp với qui ước, chuẩn mực của cộng đồng quốc tế.

## **Chương 2**

### **HỆ THỐNG CÁC QUI ĐỊNH VỀ DỊCH VỤ INTERNET**

#### **2.1. Hệ thống qui phạm về Internet**

##### **2.1.1. *Đặc điểm sự hình thành và phát triển hệ thống qui phạm quản lý, điều tiết lĩnh vực Internet***

Trong tất cả các lĩnh vực Nhà nước áp đặt pháp luật theo thẩm quyền đã được qui định rõ trong Hiến pháp của từng quốc gia và giữ độc quyền thông qua bộ máy tư pháp của mình. Tính toàn cầu của Internet, cơ sở hạ tầng phân tán, hoạt động bằng công nghệ số không cần thiết lập trên một lãnh thổ nhất định và tính chất tương tác của Internet đã làm đảo lộn cấu trúc truyền thống của hệ thống pháp luật dựa trên chủ quyền của một quốc gia. Vì vậy mạng Internet được điều tiết trong bối cảnh rộng hơn một quốc gia vì thực tế các mạng tương tác với nhau và Internet không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia. Và các tổ chức quốc tế là giải pháp cho vấn đề này. Các tổ chức này không chỉ có thẩm quyền về mặt kỹ thuật mà còn là một nguồn qui phạm dùng để định hướng ứng xử của người sử dụng Internet.

##### **2.1.2. *Hệ thống văn bản pháp qui quốc tế điều chỉnh lĩnh vực Internet***

Các tổ chức toàn cầu do các nước thành lập ra không chỉ là tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật đặc thù mà còn cả qui phạm điều tiết Internet.

a. *Unesco*: Là tổ chức có thẩm quyền truyền thống trong lĩnh vực phát triển khoa học, văn hóa và giáo dục có nhiều qui phạm điều chỉnh và áp dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông.

b. *ISO/IEC27002*: Qui chuẩn kỹ thuật về an toàn hệ thống thông tin do Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế phụ trách xây dựng

c. *WTO*: Tổ chức đảm bảo vấn đề tự do trao đổi trong thương mại quốc tế, bao gồm cả thương mại điện tử và một số thỏa thuận về dịch vụ và sản phẩm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. 1994 WTO soạn thảo Hiệp định TRIPS\_ Hiệp định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại trong đó có một số qui định về việc bảo vệ chương trình máy tính.

d. *UNCITRAL*: Ủy ban pháp luật Thương mại Quốc tế của Liên hợp quốc đã xây dựng bộ luật mẫu trong lĩnh vực thương mại điện tử gồm có

Luật mẫu về chữ ký điện tử năm 2001, Luật mẫu về Thương mại điện tử năm 1996, Công ước của Liên hợp quốc về sử dụng công cụ điện tử trong việc ký kết hợp đồng quốc tế năm 2005

e. *OECD*: Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế đưa ra bộ nguyên tắc chỉ đạo năm 1980 về bảo vệ dữ liệu, Nguyên tắc về an toàn các hệ thống thông tin 1992, Điều kiện chung về việc tính thuế năm 1998 và định hướng về chính sách cần thực hiện nhằm bảo vệ và tăng cường sự tự chủ của người tiêu dùng trong thương mại điện tử 1999, và định hướng trong đấu tranh chống hành vi trộm cắp thông tin về danh tính cá nhân 2008.

f. *WIPO*: Tổ chức thế giới về Sở hữu trí tuệ đã đưa ra Qui chế CISAC và SECEM điều chỉnh công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và kiểm chứng của các tác phẩm trên mạng kỹ thuật số toàn cầu.

g. *ITU (Liên minh Viễn thông quốc tế) - International Telecommunication Union - ITU*: Hoạt động chính của ITU bao trùm tất cả các vấn đề thuộc lĩnh vực viễn thông. ITU có ba khu vực hoạt động chính: ITU-R liên quan đến hệ thống và thiết bị phát thanh; ITU-T: Biên soạn các quy định kỹ thuật về hệ thống, mạng và dịch vụ bưu chính - viễn thông; ITU-D: Soạn thảo những khuyến nghị, nghị quyết, hướng dẫn, sổ tay, báo cáo...

Ngoài các Qui chế do các Tổ chức Quốc tế xây dựng, còn có các văn bản Quốc tế khác do các nước tự nguyện ký cam kết vì lợi ích chung, trong các qui chế này có các điểm liên quan đến lĩnh vực Công nghệ, Internet như:

- Hiệp định TRIPS
- Công ước Toàn cầu về bản quyền ký tại Geneva 1952 (còn gọi là Công ước Berne)
- Công ước Quốc tế về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất ghi âm tổ chức phát sóng (Công ước Rome 1961)
- Công ước WIPO về quyền tác giả thông qua Geneva 12/1996 (Công ước WCT)
- Công ước WIPO về cuộc biểu diễn và ghi âm thông qua tại Geneva ngày 20/12/1996 (Công ước WPPT)
- Công ước Brussels hay còn gọi là Công ước Vệ tinh năm 1974 liên quan đến việc phân phối các tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh.
- Qui chế của WTO

Đặc điểm chung của các Qui chế do tổ chức quốc tế xây dựng thường thuộc phạm trù "luật mềm" theo kiểu luật mẫu, hoặc các khuyến cáo, khuyến nghị... để các nước xem xét, áp dụng không có tính chất ép buộc.

### **2.1.3. Hệ thống văn bản pháp qui Việt Nam điều chỉnh lĩnh vực Internet**

Đến thời điểm này hệ thống các văn bản pháp qui của Nhà nước hiện đang điều chỉnh việc quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Internet bao gồm:

#### **a. Hệ thống văn bản liên quan:**

- Luật Báo chí
- Luật tần số vô tuyến điện
- Pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước
- Pháp luật về bản quyền
- Luật sở hữu trí tuệ
- Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 Qui định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện
- Nghị định 63/2007/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực CNTT

#### **b. Hệ thống văn bản điều chỉnh trực tiếp:....**

- Luật Viễn thông
- Nghị định số 25/2011/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật Viễn thông
- Nghị định số 97/2008/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet
- Thông tư 14/2010/TT-BTTTT qui định chi tiết một số điều của Nghị định 97/2008/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet

Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân và thông tin điện tử trên Internet.

## **2.2. Đánh giá chung hệ thống văn bản pháp luật về Internet của Việt Nam**

### **2.2.1. Đối với nhu cầu khách quan**

Nhìn chung, trong hơn 10 năm qua, Nhà nước Việt Nam đã ban hành được một hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật đối với lĩnh vực Internet tương đối đầy đủ và phù hợp với khách quan.



### **2.2.2. Đối với yêu cầu quản lý kinh tế và xã hội**

Khi có Internet hình thành nhiều ngành kinh tế mới như Thương mại điện tử, dịch vụ tư vấn, thiết kế và duy trì website, dịch vụ và phần mềm máy tính, dịch vụ mua, bán tên miền, dịch vụ thuê chỗ đặt máy chủ trên mạng, dịch vụ chứng thực điện tử...Việt Nam đã xây dựng và ban hành Hệ thống văn bản pháp luật quản lý đưa mọi hoạt động xã hội đi trong hành lang pháp lý qui chuẩn.

- Luật Công nghệ thông tin
- Luật Viễn thông
- Luật giao dịch điện tử
- Pháp luật về quảng cáo
- Luật sở hữu trí tuệ và một hệ thống các văn bản dưới luật khác điều hành quản lý lĩnh vực này.

### **2.2.3. Đối với sự phát triển của cộng đồng mạng toàn cầu**

Để quản lý xã hội ảo, cộng đồng mạng toàn cầu này, pháp luật Việt Nam đã ban hành các văn bản qui phạm pháp luật không những quản lý mà còn đáp ứng được mỗi giai đoạn phát triển của xã hội này. Điểm lại các mốc phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam về lĩnh vực Internet: Ngay khi Internet xuất hiện ban hành "Qui chế tạm thời về quản lý, thiết lập sử dụng mạng Internet»; tiếp đến Nghị định số 55/2001/NĐ-CP về "Quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet", hiện nay là Nghị định số 97/2008/NĐ-CP về "Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet" và Thông tư hướng dẫn nghị định đi kèm như Thông tư số 14/2010/TT-BTTTT qui định chi tiết một số điều của Nghị định 97/2008/NĐ-CP; Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân và thông tin điện tử trên Internet.

### **2.2.4. Đối với yêu cầu của các nước trong cộng đồng quốc tế**

Song song với việc xây dựng các qui chế về lĩnh vực Internet tại Việt Nam phù hợp với yêu cầu của cộng đồng mạng các nước trên thế giới, Việt Nam cũng đã tham gia ký kết các văn bản quốc tế về lĩnh vực này như gia nhập Biểu cam kết cụ thể về thương mại dịch vụ gia nhập WTO, Hiệp định TRIPs về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ

năm 1994 trong khuôn khổ các văn kiện của tổ chức Thương mại Thế giới WTO, hay công ước Công ước Toàn cầu về bản quyền ký tại Geneva 1952 (còn gọi là Công ước Berne), Công ước Geneve 1971 bảo hộ nhà xuất bản, ghi âm chống việc sao chép không được phép, Công ước Quốc tế về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất ghi âm tổ chức phát sóng (Công ước Rome 1961) Công ước WIPO về quyền tác giả, biểu diễn và ghi âm và Công ước Brussels hay còn gọi là Công ước Vệ tinh năm 1974 liên quan đến việc phân phối các tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh...

## **Chương 3**

### **THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ INTERNET THEO XU HƯỚNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

#### **3.1. Thực trạng pháp luật đang điều chỉnh dịch vụ Internet của Việt Nam**

Trong hệ thống pháp luật điều chỉnh về Internet hiện nay của Việt Nam, Nghị định 97/2008/NĐ-CP của Chính phủ về "Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet" là văn bản hiện đang có hiệu lực, có tính chất điều chỉnh trực tiếp, bao trùm về lĩnh vực Internet.

##### **3.1.1. Những mặt tích cực**

###### **3.1.1.1. Những nhân tố cho sự ra đời Nghị định 97/2008/NĐ-CP**

Nghị định 97/2008/NĐ-CP ra đời thay thế cho Nghị định 55/2001/NĐ-CP về "Quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internnet" được chính phủ ban hành ngày 23/8/2001 khi đó đã bộc lộ nhiều điểm lỗi thời.

###### **3.1.1.2. Nguyên tắc xây dựng Nghị định**

Nghị định 97 được xây dựng, soạn thảo trên các nguyên tắc sau:

- Nghị định mới xây dựng phải đảm bảo sự phù hợp với các qui định cả các văn bản qui phạm pháp luật khác Luật công nghệ thông tin, Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông, Nghị định 160/2004/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và đảm bảo lợi ích tối đa cho người sử dụng dịch
- Cải cách hành chính theo cơ chế một cửa, đơn giản hóa và minh bạch hóa thủ tục hành chính

- Chi tiết tối đa các qui định nhằm Nghị định triển khai đi vào thực tế, hạn chế phải ban hành thêm các văn bản hướng dẫn dưới Nghị định.

#### *3.1.1.3. Những nội dung, sửa đổi quan trọng của Nghị định 97*

*a. Cho phép mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp tất cả các loại hình dịch vụ Internet:* khoản 9 điều 3 và khoản 1 điều 7.

*b. Thúc đẩy phát triển Internet băng rộng:* điểm a khoản 2 điều 10

*c. Tạo điều kiện nâng cao chất lượng và giảm chi phí cung cấp dịch vụ:* điểm b khoản 2 điều 7 và khoản 1,2,3 điều 16

*d. Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong việc cấp phép:* khoản 1 điều 7 và khoản 1 điều 3, điểm k khoản 2 điều 7

*e. Tạo điều kiện và tăng cường quản lý Đại lý Internet:* Nghị định 97 được xây dựng, Thông tư 02 đã được sửa đổi bổ sung và đưa các qui định về điều kiện kinh doanh Đại lý Internet vào Nghị định 97 trên nguyên tắc phù hợp với qui định của Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại và Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông

*f. Tăng cường quản lý và thúc đẩy phát triển nội dung thông tin điện tử trên Internet*

Như vậy Nghị định 97 đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp Internet và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp nội dung thông tin điện tử đặc biệt việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, phù hợp với chủ trương của Nhà nước và các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam.

#### *3.1.1.4. Những nội dung cơ bản của Nghị định 97/2008/CP*

- *Về định hướng chính sách quản lý và phát triển Internet của nhà nước*

- *Quyền hạn và nghĩa vụ của các bên tham gia cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet:* Đại lý Internet; doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng; chủ mạng Internet dùng riêng; người sử dụng Internet.

- *Qui định về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet:* Cấp phép cung cấp dịch vụ Internet; điều kiện kinh doanh đại lý Internet; các qui định về kết nối; các qui định về tiêu chuẩn chất lượng, giá cước dịch vụ Internet; qui định về tài nguyên Internet

- *Qui định về quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin điện tử trên Internet:* Nguyên tắc Việc quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin điện tử (Điều 19); Qui định về phát hành báo điện tử, xuất bản trên mạng Internet; việc Đăng

ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến; cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

- *Qui định về quản lý nhà nước về Internet tại Nghị định (Điều 5)*

+ *Bộ Thông tin và Truyền thông:* chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về Internetn cụ thể

+ *Bộ Công an:* chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo an ninh thông tin trong lĩnh vực Internet gồm

+ *Bộ Kế hoạch và đầu tư:* phối hợp với Bộ Thông tin Truyền thông xây dựng cơ chế, quản lý chính sách đầu tư, tài chính để thúc đẩy việc sử dụng Internet trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, bệnh viện, các cơ sở nghiên cứu và đưa Internet đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

+ *Bộ Tài chính:* ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn việc thực hiện các qui định về phí, lệ phí liên quan đến tài nguyên Internet

+ *Bộ Nội vụ:* thực hiện quản lý nhà nước về mật mã dân sự đối với các thông tin được bảo mật trong các hoạt động thương mại, dân sự trên Internet

#### **3.1.2. Những mặt còn hạn chế**

*a. Về định nghĩa mạng xã hội:* Qua hai định nghĩa nêu trên về mạng xã hội, có thể thấy rằng cách hiểu về mạng xã hội được quy định chính thức trong văn bản quy phạm pháp luật của nước ta cụ thể tại Nghị định 97 đang hiện hành hẹp hơn rất nhiều so với cách hiểu của cộng đồng xã hội khi chỉ khoanh vùng ở blog, chat và forum.

*b. Về chính sách quản lý và phát triển Internet với thực thi:* Chính sách chúng ta đưa ra là chính sách "xuông" chưa kết hợp các biện pháp để đưa chính sách đi vào đời sống.

*c. Chưa có qui định về chế tài, xử phạt đối với mạng xã hội trực tuyến:* Nghị định 97 và Thông tư 14/2010/TT-BTTTT Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP đều không có những quy định cụ thể về chế tài hay xử phạt như thế nào đối với mạng xã hội ngoài chế độ báo cáo định kỳ hai lần trong một năm.

*d. Chưa qui định hoạt động kinh doanh mạng xã hội trực tuyến trong danh mục dịch vụ kinh doanh có điều kiện:* Trong Nghị định 59/2006/NĐ-CP, ở danh mục dịch vụ kinh doanh có điều kiện có các dịch vụ như: đại lý dịch vụ

Internet công cộng, dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet. Trong khi đó, dịch vụ mạng xã hội và trò chơi trực tuyến không có trong danh mục này và danh mục dự thảo sửa đổi năm 2010 mặc dù đây là hai dịch vụ đã, đang và sẽ tiếp tục bộc lộ những tệ nạn và vi phạm pháp luật, để lại hậu quả nghiêm trọng cho sự phát triển thế hệ trẻ và phát triển xã hội.

*e. Qui phạm vẫn đi sau so với thực tế phát triển của xã hội:* Việc vi phạm an ninh mạng thì phải bị xử lý theo pháp luật nhưng khung pháp lý về vấn đề này hiện nay chưa rõ ràng, chưa cụ thể. Các quy chế, quy định được ban hành nhằm tạo những khuôn mẫu chuẩn trong quản lý xã hội nhưng pháp luật ở nước ta vẫn đi sau sự phát triển của xã hội

*f. Qui định thiếu tính khả thi trong triển khai:*

- Đối với qui định đóng cửa vào 23h đêm và mở cửa vào 6h sáng, qui định áp dụng phần mềm quản lý các đại lý Internet

- Đối với quy định nêu đại lý Internet phải cách trường học 200m cũng chưa rõ ràng dẫn đến khó trong quá trình áp dụng, khoảng cách 200m này được tính từ đâu? Từ khuôn viên, từ tường rào hay từ cổng trường? ...

### **3.1.3. Một số giải pháp của Việt Nam**

- Biện pháp hành chính: Sử dụng cả biện pháp tình thế tạm thời kết hợp với biện pháp lâu dài như đối với dịch vụ chơi game online vấn đề đang "nóng" của xã hội

- Tạm dừng cấp phép các trò chơi game online trong thời gian để rà soát lại cơ chế, chính sách, rà soát lại thực tiễn, tổng kết, rút kinh nghiệm để làm tốt hơn, sau đó xây dựng chủ trương mới.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt các đại lý Internet về việc tuân thủ các qui định của pháp luật và qui chế hoạt động của đại lý Internet; các doanh nghiệp sản xuất gameonline, các doanh nghiệp cung cấp nội dung bằng các biện pháp thu hồi giấy phép hoạt động, tiêu hủy các sản phẩm không đúng tiêu chuẩn, xử phạt hành chính...

- Lập cơ quan chuyên trách để lo an toàn thông tin trên mạng bằng việc thành lập Cục an toàn thông tin để đủ cơ sở pháp lý "lo" vấn đề an ninh trên mạng.

- Triển khai nhóm giải pháp cơ bản để hoàn thiện khung pháp lý đang thiếu: hình thành Luật an toàn thông tin trên mạng trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quản lý của các nước trên thế giới để học hỏi kỹ thuật quản lý vì game online là một vấn đề xã hội mới và chưa có luật.

- Hệ thống hóa qui định pháp luật về lĩnh vực Internet

- Biện pháp giáo dục:

- Giáo dục người sử dụng Internet phải tự nâng cao ý thức sử dụng thông tin, tự mình chắt lọc những nội dung để khai thác những thông tin có lợi, loại bỏ những thông tin xấu.

- Đối với thanh thiếu niên kết hợp các biện pháp giáo dục từ gia đình, nhà trường, các tổ chức xã hội.

- Tạo điều kiện cho nhân dân có điều kiện tiếp cận, hiểu biết pháp luật về các vấn đề mà họ quan tâm góp phần vào việc thực hiện được tốt.

- Biện pháp kỹ thuật:

- Cắt đường truyền của các đại lý Internet (quán café online, game online...) vào các giờ như sau 23h đêm đến 6h sáng.

- Xây dựng các chương trình phần mềm quản lý hoạt động của các đại lý Internet hay kiểm soát tại gia đình

## **3.2. Qui định quản lý Internet của một số nước trên thế giới và học hỏi kinh nghiệm của Việt Nam**

### **3.2.1. Trung Quốc**

- Qui định quản lý về mạng Internet của Trung Quốc: "bất kỳ khách hàng nào muốn sử dụng Internet tại các quán café Internet đều phải xuất trình thẻ căn cước" và thực thi việc kiểm soát mạng Internet bằng quy định, "nếu cơ quan quản lý phát hiện các điểm truy cập Internet công cộng tiếp nhận các khách hàng vị thành niên (dưới 18 tuổi) sẽ ngay lập tức bị tước giấy phép và cắt đường truyền".

- Qui định về thời gian và độ tuổi chơi game: quản lý về độ tuổi chơi và độ tuổi được sử dụng mạng Internet bằng hệ thống kiểm soát độ tuổi người chơi game và sử dụng điểm truy nhập Internet công cộng (café Internet) bằng chứng minh thư điện tử.

Việt Nam đã học hỏi đúc rút kinh nghiệm trên từ qui phạm quản lý về mạng của Trung Quốc tuy nhiên sáng tạo để có những áp dụng phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn và hệ thống quản lý của Việt Nam. Việt Nam đã ban hành các văn bản cụ thể như Nghị định số 28/2009/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet; hay Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-

BBCVT-BVHTT-BCA-BKHĐT về quản lý đại lý Internet, Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLT-BVHTT-BCVT-BCA (Thông tư 60) về quản lý trò chơi trực tuyến. "Quy định số 15/2010/QĐ - UBND" quy định về việc quản lý giờ giấc hoạt động của các đại lý Internet và hành vi người sử dụng. Cụ thể trẻ em dưới 14 tuổi không được vào các đại lý Internet một mình; các đại lý internet phải cách xa trường học ít nhất 200m; đại lý Internet phải gắn các phần mềm quản lý của các cơ quan chức năng vào các máy kết nối...

### **3.2.2. Hoa kỳ (USA)**

Việt Nam chỉ học hỏi kinh nghiệm quản lý mạng và game của Mỹ một số điểm phù hợp như quy định về đối tượng sử dụng game theo độ tuổi hay đưa ra các quy định khác như về giờ giấc được sử dụng dịch vụ, hành vi người sử dụng dịch vụ như trẻ em dưới 14 tuổi không được vào các đại lý Internet một mình... phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của Việt Nam. Còn do văn hóa, quan điểm và trình độ còn nhiều khác biệt nên Việt Nam chưa thể học hỏi việc sử dụng hệ thống Phân loại Phần mềm Giải trí ESRB... hay việc sử dụng hệ thống có thể kiểm tra số chứng minh thư thông qua một cơ sở dữ liệu chung của toàn quốc gia.

## **3.3. Định hướng hoàn thiện Internet Việt Nam theo xu hướng hội nhập quốc tế**

### **3.3.1. Chính sách của nhà nước**

Chính sách phát triển công nghệ thông tin nói chung và Internet nói riêng của nhà nước Việt Nam được cụ thể hóa bằng các văn bản nêu trên trong đó nhà nước đưa ra các mục tiêu cần đạt trong từng giai đoạn:

#### **3.3.1.1. Mục tiêu Giai đoạn 2001 - 2005**

Quyết định số 33/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phát triển Internet Việt Nam giai đoạn 2001-2005 đã nêu rõ các mục tiêu tổng quát sau:

#### **3.3.1.2. Mục tiêu giai đoạn 2006 - 2010**

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 32/2006/QĐ-TTg ngày 07/02/2006 phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet Việt Nam đến 2010. Trong đó nêu rõ các chỉ số mục tiêu, chỉ tiêu Internet Việt Nam đạt được các kết quả sau đến năm 2010.

#### **3.3.1.3. Mục tiêu giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến 2020**

Đề định hướng và thúc đẩy phát triển Internet trong giai đoạn mới và từng bước hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực trong đó có cả lĩnh vực Internet, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số Quyết định số 158/2001/QĐ-TTg ngày 18/10/2001 về phê duyệt "Chiến lược phát triển Bưu chính, Viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến 2020" và Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 Phê duyệt "Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020".

Các mục tiêu định hướng đến năm 2020: Chỉ thị 07/CT-BBCVT ngày 7/7/2007 về định hướng chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 (gọi tắt là "Chiến lược Cát cánh") đã đưa ra các mục tiêu định hướng cụ thể về việc phát triển công nghệ thông tin - truyền thông của Việt Nam đến năm 2020

### **3.3.2. Thuận lợi, khó khăn và thách thức**

#### **3.3.2.1. Thuận lợi**

Các chính sách và văn bản quan trọng đã được phê chuẩn đang được triển khai: Luật giao dịch điện tử; Luật công nghệ thông tin và các Nghị định hướng dẫn; chiến lược, qui hoạch phát triển tổng thể thương mại điện tử 2010; chiến lược qui hoạch phát triển viễn thông và Internet đến năm 2010; chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010; thành lập Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; chương trình phát triển công nghệ phần mềm đến năm 2010; chương trình phát triển công nghiệp nội dung thông tin số đến năm 2010.

Chất lượng và giá cả Internet sẽ ngày càng tốt hơn khi cạnh tranh càng mạnh, đặc biệt cạnh tranh về viễn thông. Để thu hút khách hàng, các doanh nghiệp đã chú trọng nhiều hơn đến mặt chất lượng dịch vụ, nghiên cứu và cung cấp thêm các loại hình dịch vụ mới trên nền tảng thuê bao có sẵn nhằm hướng tới sự tiện lợi cho khách hàng.

#### **3.3.2.2. Thách thức**

- Xu hướng hội tụ công nghệ và dịch vụ Viễn thông, Internet, truyền thông quảng bá dẫn đến ngày càng nhiều dịch vụ mới ra đời như truy nhập Internet qua mạng truyền hình cáp, trò chơi trực tuyến, điện thoại Internet... đòi hỏi cả cơ quan quản lý nhà nước phải có chính sách quản lý nhà nước phải chính sách quản lý các dịch vụ thật hợp lý thật hợp lý để tạo được sự

phát triển bền vững và hài hòa được cả lợi ích của 3 chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, người sử dụng).

- Ngày càng xuất hiện nhiều thông tin độc hại, không lành mạnh, những dịch vụ giải trí gây ảnh hưởng không tốt đến tầng lớp thanh thiếu niên... đòi hỏi phải có những biện pháp, chính sách nhằm định hướng người dân sử dụng Internet một cách hiệu quả nhất.

#### 3.3.2.3 *Khó khăn*

- Khó tìm được nguồn kinh phí để triển khai các kế hoạch, chương trình, dự án.

- Một số chương trình, dự án khác không được phê duyệt hoặc không triển khai tiếp được vì thiếu kinh phí

- Nguồn nhân lực nói chung còn yếu và thiếu, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý các dự án, xây dựng chính sách và thực thi pháp luật (BCVT, Công an, tòa án, kiểm sát...)

### 3.3.3. **Định hướng và giải pháp để phát triển Internet Việt Nam theo xu hướng hội nhập quốc tế**

#### 3.3.3.1. *Về công nghệ, dịch vụ*

Khuyến khích tạo điều kiện để triển khai công nghệ mới, dịch vụ mới đặc biệt là truy nhập băng rộng; nhanh chóng hoàn thành qui hoạch băng tần và tiêu chí cấp phép để hoàn thiện Wimax, 3G và tiến tới 4G; chương trình Viễn thông công ích ưu tiên cho các dự án có kế hoạch triển khai băng rộng ở những địa phương khả thi về mặt kỹ thuật; hoàn thiện chính sách quản lý và phát triển điện thoại Internet để tạo điều kiện cho người sử dụng đặc biệt là nông thôn sử dụng dịch vụ điện thoại giá rẻ

#### 3.3.3.2. *Về tài nguyên Internet*

Để giải quyết vấn đề cạn kiệt tài nguyên, đòi hỏi trong thời gian tới cần từng bước triển khai Ipv6 và tiếp tục nghiên cứu chính sách triển khai ENUM.

#### 3.3.3.3. *Về ứng dụng và nội dung thông tin*

Mặc dù Luật giao dịch điện tử, Luật công nghệ thông tin đã được ban hành nhưng chưa thực sự đi vào cuộc sống do chưa có các văn bản hướng dẫn chi tiết, đặc biệt liên quan đến thương mại điện tử. Do vậy thời gian tới các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục ban hành những văn bản điều chỉnh các lĩnh vực cụ thể phù hợp với xu hướng mới của công nghệ, ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 97.

#### 3.3.3.4. *Về an toàn, an ninh*

- Khẩn trương triển khai và nâng cao năng lực kỹ thuật, con người của Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính quốc gia (VNCERT); nhanh chóng đưa Trung tâm chứng thực chữ ký số Quốc gia đi vào hoạt động để thúc đẩy dịch vụ chứng thực trong nước nhằm tạo ra môi trường an toàn, hiệu quả cho sự phát triển của thương mại điện tử; khẩn trương xây dựng và ban hành tiêu chuẩn đặc biệt là các tiêu chuẩn liên quan đến chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số và tiêu chuẩn về an toàn thông tin và an ninh mạng; tập trung đề án phòng chống các tội phạm công nghệ cao và nâng cao năng lực Phòng chống tội phạm công nghệ cao; bổ sung qui định liên quan đến tội phạm mạng trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự (Bộ tư pháp phối hợp với các Bộ ngành)

#### 3.3.3.5. *Về tổ chức và công tác thực thi*

Bên cạnh việc xây dựng các chính sách hợp lý, công tác thanh kiểm tra các hoạt động của doanh nghiệp đặc biệt hoạt động liên quan đến kết nối mạng, giá cước, chất lượng, thanh tra, kiểm tra hoạt động của các đại lý Internet và việc phối hợp liên ngành cần phải thực hiện thường xuyên nhằm tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục định hướng nhằm nâng cao mặt bằng nhận thức về công nghệ thông tin của người dân bằng các hình thức; tiếp tục triển khai các chương trình, dự án trọng điểm.

### 3.3.4. **Hội nhập quốc tế về Internet**

Ngày 07/11/2006, tại Ginevơ (Thụy sĩ) Việt Nam và WTO chính thức ký Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ thời điểm đó Việt Nam bắt đầu bước vào một "sân chơi" mới về hoạt động thương mại với tất cả nước là thành viên của WTO.

Ngày 29/11/2006, Quốc hội khóa 11 đã thông qua Nghị quyết số 71/2006/QHH11 về việc phê chuẩn Nghị định thư gia nhập WTO của Việt Nam. Theo đó, Việt Nam sẽ áp dụng trực tiếp các cam kết của Việt Nam với WTO được qui định đủ rõ, chi tiết trong Nghị định thư, các Phụ lục đính kèm và Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập Hiệp định WTO. Trong trường hợp qui định của pháp luật Việt Nam không phù hợp với qui định của Hiệp định thành lập WTO, Nghị định thư và các tài liệu đính kèm thì áp dụng qui định của Hiệp định thành lập WTO, Nghị định thư và các tài liệu đính kèm.

## KẾT LUẬN

Trong hơn 10 năm qua kể từ khi có mặt tại Việt Nam dịch vụ Internet đã phát triển nhanh, khá ấn tượng và đạt được một số thành tựu nhất định, tạo bước đột phá cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Ngành Viễn thông đã có tốc độ tăng trưởng vào loại nhanh nhất thế giới, chúng ta đã phá đi tình trạng độc quyền một doanh nghiệp và tạo ra một môi trường cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông, về cơ bản môi trường pháp lý là phù hợp với yêu cầu của hội nhập.

Sau hơn mười năm triển khai Internet tại Việt Nam đã đạt được những kết quả khá quan trọng và khá toàn diện. Có thể đánh giá sơ bộ về kết quả đạt được của Internet sau hơn mười năm gia nhập với Internet toàn cầu như sau:

- Cơ chế, chính sách pháp luật: đã tạo ra môi trường cạnh tranh và có những chính sách thúc đẩy phát triển Internet hiệu quả

- Mạng lưới và dịch vụ: Có được sự tăng trưởng vượt bậc về số lượng người sử dụng, phát triển mạnh mẽ về hạ tầng mạng và dịch vụ, đạt và vượt chỉ tiêu đề ra theo kịp trình độ phát triển chung của thế giới

- Về ứng dụng: Đã có được một số kết quả tuy nhiên cần chú trọng triển khai các biện pháp để bảo đảm vấn đề an toàn mạng và nội dung thông tin.

- Về an toàn, an ninh mạng: Đã có được một số kết quả tuy nhiên cần chú trọng triển khai các biện pháp để đảm bảo vấn đề an toàn mạng và nội dung thông tin

- Tổ chức thực thi pháp luật: Nâng cao hơn nữa năng lực xây dựng chính sách và thực thi đặc biệt chú trọng phân cấp và đầu tư nguồn lực cho các sở thông tin truyền thông

Đạt được kết quả trên do có sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và việc triển khai ứng dụng Internet của các bộ, ngành đặc biệt trong các lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu, thương mại, tài chính, ngân hàng, y tế, kế hoạch đầu tư...

Bên cạnh các kết quả đạt được nêu trên, còn có những hạn chế cần khắc phục để thúc đẩy Internet Việt Nam phát triển hơn nữa, tiến kịp với các nước cụ thể như sau:

- Chênh lệch sử dụng dịch vụ Internet giữa nông thôn và thành thị còn lớn, cần nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo trong thời gian tới

- Việc triển khai ứng dụng Internet trong các cơ quan nhà nước còn chậm; nhìn chung các ứng dụng còn ít và các nội dung trên mạng còn nghèo nàn, đặc biệt là cho nông thôn và y tế giáo dục

- Công tác thẩm định, cấp phép còn chậm

- Chưa kịp thời và kiên quyết xử lý trong công tác quản lý doanh nghiệp đối với dịch vụ internet như chậm triển khai giấy phép, không báo cáo theo qui định...

- Năng lực của một số sở thông tin - truyền thông chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương

Trong thời gian vừa qua, Internet Việt Nam phát triển có những nhân tố thuận lợi nhưng cũng có nhiều thách thức, đòi hỏi chúng ta phải có những quyết sách và nỗ lực lớn để đạt được và vượt những mục tiêu đã đề ra nhằm khai thác hết tiềm năng, lợi ích của Internet, theo kịp trình độ phát triển của các nước, đặc biệt sau khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO tháng 12/2006, cùng với những cơ hội hợp tác phát triển là những thách thức khi các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam đòi hỏi các doanh nghiệp viễn thông, trong nước cần phải nỗ lực hơn nữa nhằm nâng cao tiềm lực, khả năng của mình.

Trong thời gian tới, các bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp và mọi công dân phải cùng nhau hợp lực để thúc đẩy việc ứng dụng Internet trong mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề đặc biệt tận dụng ứng dụng Internet trong các cơ quan nhà nước để đưa thông tin và các dịch vụ công đến với người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân và các cơ quan, tổ chức cùng nhau khai thác có hiệu quả những thông tin do Internet mang lại.

Như vậy để Internet phát triển mạnh trở thành một công cụ hữu ích cần có sự tham gia của cả chính phủ, doanh nghiệp và xã hội; là trách nhiệm của nhiều bộ, ngành, tổ chức, đoàn thể có liên quan. Do đó, việc phối hợp liên ngành là kết thúc cần thiết không chỉ trong các đề án, dự án phát triển viễn thông, công nghệ thông tin nông thôn mà cả trong phối hợp giải quyết các sự cố về an ninh mạng. Song song với biện pháp để thúc đẩy Internet luôn phải có những chính sách và biện pháp nhằm phát huy những mặt tích cực, đồng thời hạn chế tiêu cực của Internet đặc biệt là đối với trẻ em, vị thành niên định hướng cho người dân sử dụng Internet một cách hiệu quả.